

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỆ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Phòng thi số 01; Vị trí dự thi: Chuyên viên hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng

Địa điểm: Phòng T303 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 23/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	CSTT1001	Đinh Thị An		08-12-2000	CVHD và thực thi CSTT			
2	CSTT1002	Đỗ Lê Thu An		21-09-2001	CVHD và thực thi CSTT			
3	CSTT1003	Bùi Phương Anh		01-03-1996	CVHD và thực thi CSTT			
4	CSTT1004	Đỗ Thị Minh Anh		05-09-2001	CVHD và thực thi CSTT			
5	CSTT1005	Dương Quỳnh Anh		23-09-2000	CVHD và thực thi CSTT			
6	CSTT1006	Dương Thái Anh	17-11-1998		CVHD và thực thi CSTT			
7	CSTT1007	Dương Văn Lan Anh		03-10-1991	CVHD và thực thi CSTT			
8	CSTT1008	Lưu Thị Kim Anh		23-03-2000	CVHD và thực thi CSTT			
9	CSTT1009	Nguyễn Lan Anh		29-07-2000	CVHD và thực thi CSTT			
10	CSTT1010	Nguyễn Thị Minh Anh		12-12-2001	CVHD và thực thi CSTT			
11	CSTT1011	Ninh Phan Anh	29-06-2000		CVHD và thực thi CSTT			
12	CSTT1012	Phạm Mai Anh		12-05-2001	CVHD và thực thi CSTT			
13	CSTT1013	Phạm Thị Phương Anh		27-05-2000	CVHD và thực thi CSTT			
14	CSTT1014	Phan Tường Anh		12-10-2001	CVHD và thực thi CSTT			
15	CSTT1015	Trần Thị Mai Anh		02-02-2001	CVHD và thực thi CSTT			
16	CSTT1016	Trịnh Khắc Anh	07-01-1997		CVHD và thực thi CSTT	Bằng Chuyên gia do CSĐT nước ngoài cấp		
17	CSTT1017	Vô Việt Anh	03-08-1997		CVHD và thực thi CSTT	Học Ths tại nước ngoài		
18	CSTT1018	Vũ Thị Ngọc Ánh		29-06-1994	CVHD và thực thi CSTT			
19	CSTT1019	Trần Ngọc Bình	01-01-2000		CVHD và thực thi CSTT			



h

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
20	CSTT1020	Nguyễn Minh Châu		06-01-2001	CVHD và thực thi CSTT			
21	CSTT1021	Đinh Thị Hải Chi		28-07-1994	CVHD và thực thi CSTT			
22	CSTT1022	Lương Khánh Chi		14-02-2001	CVHD và thực thi CSTT			
23	CSTT1023	Nguyễn Quỳnh Chi		08-04-2001	CVHD và thực thi CSTT	Học ĐH tại nước ngoài		
24	CSTT1024	Phan Thị Lan Chi		27-05-2000	CVHD và thực thi CSTT			
25	CSTT1025	Nguyễn Thị Chung		19-07-2000	CVHD và thực thi CSTT			
26	CSTT1026	La Văn Công	25-06-1994		CVHD và thực thi CSTT			
27	CSTT1027	Nguyễn Hồng Diễm		03-12-2001	CVHD và thực thi CSTT		DT Tày	
28	CSTT1028	Mai Ngọc Diệp		17-01-2001	CVHD và thực thi CSTT			
29	CSTT1029	Nguyễn Ngọc Diệp		07-10-1992	CVHD và thực thi CSTT	Bằng ĐH do CSDT nước ngoài cấp		
30	CSTT1030	Phí Ngọc Diệp	04-12-1994		CVHD và thực thi CSTT			
31	CSTT1031	Nguyễn Văn Đồng	23-01-2000		CVHD và thực thi CSTT			
32	CSTT1032	Trịnh Thị Kim Dung		23-09-1996	CVHD và thực thi CSTT			
33	CSTT1033	Vũ Mỹ Dung		06-03-1994	CVHD và thực thi CSTT			
34	CSTT1034	Lê Thuý Dương		12-10-2001	CVHD và thực thi CSTT			
35	CSTT1035	Nguyễn Tiến Dương	09-08-1998		CVHD và thực thi CSTT			
36	CSTT1036	Vũ Hoàng Duy	17-10-1999		CVHD và thực thi CSTT			
37	CSTT1037	Bá Thị Khánh Duyên		26-09-2000	CVHD và thực thi CSTT			
38	CSTT1038	Nguyễn Hương Giang		27-01-2001	CVHD và thực thi CSTT			
39	CSTT1039	Cao Hoàng Ngọc Hà		13-02-1994	CVHD và thực thi CSTT			
40	CSTT1040	Đỗ Thanh Hà		11-12-1999	CVHD và thực thi CSTT			

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỆ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

Phòng thi số 02; Vị trí dự thi: Chuyên viên hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng

Địa điểm: Phòng T403 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

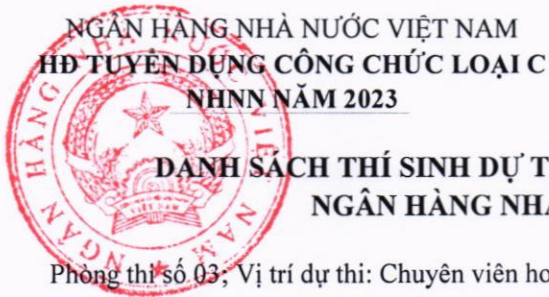
Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 23/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	CSTT1041	Hoàng Thị Thu Hà		29-03-1993	CVHD và thực thi CSTT		Dân tộc Tày	
2	CSTT1042	Lê Ngân Hà		11-11-1996	CVHD và thực thi CSTT			
3	CSTT1043	Lê Thu Hà		13-03-1997	CVHD và thực thi CSTT			
4	CSTT1044	Nguyễn Thu Hà		01-12-2001	CVHD và thực thi CSTT			
5	CSTT1045	Vũ Việt Hà		06-10-1998	CVHD và thực thi CSTT			
6	CSTT1046	Lê Thị Hải		25-11-1994	CVHD và thực thi CSTT			
7	CSTT1047	Chữ Thu Hằng		08-03-1996	CVHD và thực thi CSTT	Bảng ĐH do CSDT nước ngoài cấp		
8	CSTT1048	Mai Vi Hào		23-02-1992	CVHD và thực thi CSTT			
9	CSTT1049	Nguyễn Thị Hậu		20-08-1999	CVHD và thực thi CSTT			
10	CSTT1050	Đàm Thu Hiền		27-11-2001	CVHD và thực thi CSTT			
11	CSTT1051	Nguyễn Thị Thu Hiền		12-06-1995	CVHD và thực thi CSTT		Con bệnh binh	
12	CSTT1052	Lâm Thị Mỹ Hoa		17-07-1996	CVHD và thực thi CSTT			
13	CSTT1053	Nguyễn Thị Hoa		28-12-2000	CVHD và thực thi CSTT			
14	CSTT1054	Trịnh Hiền Hoà		29-10-2001	CVHD và thực thi CSTT			
15	CSTT1055	Đoàn Thị Nhật Hoàn		27-05-2001	CVHD và thực thi CSTT			
16	CSTT1056	Nguyễn Minh Hoàng	05-07-2000		CVHD và thực thi CSTT			
17	CSTT1057	Trương Việt Hoàng	19-12-2001		CVHD và thực thi CSTT			
18	CSTT1058	Nguyễn Duy Hùng	10-06-2000		CVHD và thực thi CSTT			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	CSTT1059	Nguyễn Khoa Hưng	23-07-2000		CVHD và thực thi CSTT			
20	CSTT1060	Nguyễn Quốc Hưng	15-09-1995		CVHD và thực thi CSTT	Bằng Ths do CSDT nước ngoài cấp		
21	CSTT1061	Dương Thị Thu Hương		21-02-2001	CVHD và thực thi CSTT			
22	CSTT1062	Phạm Ngọc Lan Hương		18-04-1999	CVHD và thực thi CSTT	Bằng ĐH do CSDT nước ngoài cấp		
23	CSTT1063	Vũ Quang Huy	23-07-1995		CVHD và thực thi CSTT			
24	CSTT1064	Hoàng Thanh Huyền		26-10-1999	CVHD và thực thi CSTT			
25	CSTT1065	Nguyễn Khánh Huyền		30-07-2000	CVHD và thực thi CSTT			
26	CSTT1066	Trần Hồng Khánh		12-04-2001	CVHD và thực thi CSTT			
27	CSTT1067	Bùi Duy Khoa	04-09-1996		CVHD và thực thi CSTT			
28	CSTT1068	Nguyễn Văn Lâm	23-02-1991		CVHD và thực thi CSTT			
29	CSTT1069	Vũ Thị Phương Lan		24-01-1994	CVHD và thực thi CSTT			
30	CSTT1070	Đậu Hoàng Linh		30-08-1998	CVHD và thực thi CSTT			
31	CSTT1071	Dương Thùy Linh		08-11-2001	CVHD và thực thi CSTT			
32	CSTT1072	Lưu Ngọc Linh		25-09-2000	CVHD và thực thi CSTT			
33	CSTT1073	Nguyễn Đặng Thuý Linh		31-01-2001	CVHD và thực thi CSTT	Bằng ĐH do CSDT nước ngoài cấp		
34	CSTT1074	Nguyễn Khánh Linh		21-08-1997	CVHD và thực thi CSTT			
35	CSTT1075	Nguyễn Ngọc Thảo Linh		22-09-1995	CVHD và thực thi CSTT			
36	CSTT1076	Nguyễn Phan Khánh Linh		17-09-1998	CVHD và thực thi CSTT			
37	CSTT1077	Nguyễn Tùng Linh		29-07-1989	CVHD và thực thi CSTT			
38	CSTT1078	Phạm Khánh Linh		08-02-2001	CVHD và thực thi CSTT			
39	CSTT1079	Phan Thị Kim Linh		27-02-1999	CVHD và thực thi CSTT			
40	CSTT1080	Trần Phan Thùy Linh		19-10-2001	CVHD và thực thi CSTT			



Handwritten signature



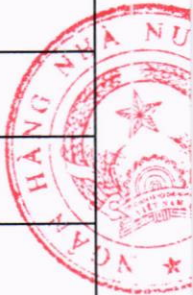
**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

Phòng thi số 03; Vị trí dự thi: Chuyên viên hoạch định và thực thi CSTT, NH và Chuyên viên nghiệp vụ NHTW

Địa điểm: Phòng T404 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 23/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	CSTT1121	Trần Thủy Tiên		16-04-1995	CVHD và thực thi CSTT			
2	CSTT1122	Nguyễn Thị Thủy Trâm		09-11-1999	CVHD và thực thi CSTT			
3	CSTT1123	Bùi Thu Trang		12-02-1999	CVHD và thực thi CSTT			
4	CSTT1124	Chu Phương Trang		29-11-1999	CVHD và thực thi CSTT			
5	CSTT1125	Hoàng Thị Trang		19-05-1997	CVHD và thực thi CSTT			
6	CSTT1126	Lê Huyền Trang		09-07-2001	CVHD và thực thi CSTT			
7	CSTT1127	Ngô Thu Trang		07-09-1993	CVHD và thực thi CSTT			
8	CSTT1128	Nguyễn Minh Hạnh Trang		15-06-2001	CVHD và thực thi CSTT			
9	CSTT1129	Trần Phương Trang		30-09-2000	CVHD và thực thi CSTT			
10	CSTT1130	Võ Thủy Trang		05-02-1995	CVHD và thực thi CSTT			
11	CSTT1131	Vũ Huyền Trang		15-10-1996	CVHD và thực thi CSTT			
12	CSTT1132	Vương Thị Quỳnh Trang		12-11-2000	CVHD và thực thi CSTT			
13	CSTT1133	Đào Thị Kiều Trinh		22-02-1999	CVHD và thực thi CSTT			
14	CSTT1134	Lê Hồ Kiều Trinh		21-11-1999	CVHD và thực thi CSTT			
15	CSTT1135	Lê Ngọc Tuấn	18-10-1999		CVHD và thực thi CSTT			
16	CSTT1136	Nguyễn Thành Tuấn	13-01-2001		CVHD và thực thi CSTT			
17	CSTT1137	Đỗ Mạnh Tùng	04-01-1995		CVHD và thực thi CSTT			
18	CSTT1138	Đoàn Thị Thu Uyên		06-01-1999	CVHD và thực thi CSTT			



Handwritten signature or mark.

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	CSTT1139	Phạm Thị Thanh Vân		27-04-1996	CVHD và thực thi CSTT			
20	CSTT1140	Trương Thị Hải Vân		21-12-2001	CVHD và thực thi CSTT			
21	CSTT1141	Vũ Thị Thanh Vân		09-02-2001	CVHD và thực thi CSTT			
22	CSTT1142	Hà Nguyên Vũ	21-10-1996		CVHD và thực thi CSTT	Bằng Ths do CSDT nước ngoài cấp		
23	CSTT1143	Nguyễn Hà Vy		30-10-2001	CVHD và thực thi CSTT			
24	CSTT1144	Nguyễn Thị Hồng Xoan		11-01-1995	CVHD và thực thi CSTT			
25	NV1001	Đinh Thị Quỳnh Anh		12-11-1985	CVNV NHTW			
26	NV1002	Nguyễn Thị Kim Anh		30-05-1988	CVNV NHTW			
27	NV1003	Nguyễn Thị Minh Anh		06-12-2000	CVNV NHTW			
28	NV1004	Vũ Thị Ngọc Ánh		29-06-1994	CVNV NHTW			
29	NV1005	Nguyễn Thị Mai Chi		16-01-2001	CVNV NHTW			
30	NV1006	Chu Kiều Chinh		24-01-1995	CVNV NHTW			
31	NV1007	Ngô Ngọc Đức	06-07-2000		CVNV NHTW			
32	NV1008	Đoàn Thanh Dung		21-02-2001	CVNV NHTW			
33	NV1009	Nguyễn Thị Thùy Dung		18-12-1987	CVNV NHTW			
34	NV1010	Trần Thùy Dương		20-07-1998	CVNV NHTW			
35	NV1011	Nguyễn Thanh Hải	07-10-1997		CVNV NHTW			
36	NV1012	Nguyễn Thị Thu Hằng		05-04-1995	CVNV NHTW			
37	NV1013	Nguyễn Thu Hằng		31-01-1989	CVNV NHTW			
38	NV1014	Đàm Thu Hiền		27-11-2001	CVNV NHTW			
39	NV1015	Lê Thị Phương Hiền		28-06-2000	CVNV NHTW			



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Phòng thi số 04; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương
 Địa điểm: Phòng T503 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng
 Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 23/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	NV1016	Nguyễn Thu Hoài		02-11-1999	CVNV NHTW			
2	NV1017	Nguyễn Thuý Hồng		07-04-1993	CVNV NHTW			
3	NV1018	Nguyễn Văn Huân	20-09-2000		CVNV NHTW			
4	NV1019	Lê Nguyễn Phi Hùng	14-10-2001		CVNV NHTW			
5	NV1020	Nguyễn Thị Hương		03-02-1986	CVNV NHTW			
6	NV1021	Nguyễn Thu Hương		30-10-1988	CVNV NHTW			
7	NV1022	Vũ Thu Huyền		26-06-1987	CVNV NHTW			
8	NV1023	Nguyễn Văn Khải		30-07-1991	CVNV NHTW			
9	NV1024	Nguyễn Văn Lâm	23-02-1991		CVNV NHTW			
10	NV1025	Đặng Thùy Linh		15-08-1997	CVNV NHTW			
11	NV1026	Trần Thị Linh		13-12-1995	CVNV NHTW			
12	NV1027	Lê Thị Loan		24-12-1991	CVNV NHTW			
13	NV1028	Nguyễn Thanh Loan		26-01-2000	CVNV NHTW		DT Mường	
14	NV1029	Đoàn Thị Trúc Mai		15-07-1995	CVNV NHTW			
15	NV1030	Ngô Thị Hồng Minh		14-12-1990	CVNV NHTW			
16	NV1031	Lê Khánh Nghĩa	06-05-2001		CVNV NHTW			
17	NV1032	Hoàng Minh Ngọc		07-01-1997	CVNV NHTW			
18	NV1033	Vũ Thị Khánh Ngọc		29-05-2001	CVNV NHTW			



Handwritten signature or mark.

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	NV1034	Nguyễn Cẩm Nhung		27-07-1997	CVNV NHTW			
20	NV1035	Phạm Trang Nhung		02-04-2001	CVNV NHTW			
21	NV1036	Ngô Lan Phương		19-12-2001	CVNV NHTW			
22	NV1037	Nguyễn Hà Phương		12-03-2001	CVNV NHTW	Bảng ĐH do CSDT nước ngoài cấp		
23	NV1038	Nguyễn Mai Phương		12-10-1998	CVNV NHTW			
24	NV1039	Trần Lâm Phương		28-04-1998	CVNV NHTW			
25	NV1040	Vũ Lan Phương		18-10-1998	CVNV NHTW			
26	NV1041	Nguyễn Thị Minh Phương		25-05-1992	CVNV NHTW			
27	NV1042	Phạm Tiến Quân	15-06-1988		CVNV NHTW			
28	NV1043	Nguyễn Thị Sen		13-09-1994	CVNV NHTW			
29	NV1044	Nguyễn Thị Minh Tâm		23-02-1994	CVNV NHTW			
30	NV1045	Phan Đức Thắng	04-02-2000		CVNV NHTW			
31	NV1046	Đặng Thị Nhật Thanh		21-04-1996	CVNV NHTW			
32	NV1047	Ngô Chí Thành	16-03-1996		CVNV NHTW			
33	NV1048	Bùi Thị Bảo Thoa		19-02-2001	CVNV NHTW			
34	NV1049	Lê Hồng Thuý		11-01-2001	CVNV NHTW			
35	NV1050	Nguyễn Phương Thúy		05-03-1992	CVNV NHTW			
36	NV1051	Đặng Thùy Trang		19-05-1999	CVNV NHTW			
37	NV1052	Nguyễn Thu Trang		17-09-1983	CVNV NHTW			
38	NV1053	Tăng Thị Quỳnh Trang		26-01-1989	CVNV NHTW			
39	NV1054	Nguyễn Thị Tuyến		14-09-1999	CVNV NHTW			
40	NV1055	Đào Thị Ngọc Xuân		25-04-1987	CVNV NHTW			





NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Phòng thi số 05; Vị trí dự thi: Chuyên viên hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng

Địa điểm: Phòng T504 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 23/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	CSTT1081	Trần Phương Linh		14-03-2001	CVHD và thực thi CSTT			
2	CSTT1082	Trương Ngọc Huyền Linh		16-08-2001	CVHD và thực thi CSTT			
3	CSTT1083	Vũ Hoàng Diệp Linh		26-01-1999	CVHD và thực thi CSTT			
4	CSTT1084	Chu Thị Ngọc Mai		11-05-2001	CVHD và thực thi CSTT			
5	CSTT1085	Đặng Thị Mai		17-07-1996	CVHD và thực thi CSTT			
6	CSTT1086	Phạm Thị Ngọc Mai		01-01-2001	CVHD và thực thi CSTT			
7	CSTT1087	Nguyễn Thị Trà Mi		10-03-2000	CVHD và thực thi CSTT			
8	CSTT1088	Đinh Thị Minh		24-04-1993	CVHD và thực thi CSTT			
9	CSTT1089	Nguyễn Thị Hồng Minh		27-03-1999	CVHD và thực thi CSTT	Bằng ĐH do CSDT nước ngoài cấp		
10	CSTT1090	Nguyễn Tuấn Minh	29-08-1999		CVHD và thực thi CSTT			
11	CSTT1091	Trần Hồng Minh		10-07-2001	CVHD và thực thi CSTT			
12	CSTT1092	Đỗ Trần Bảo Ngân		04-11-2000	CVHD và thực thi CSTT			
13	CSTT1093	Nguyễn Hoàng Ngân		06-09-2000	CVHD và thực thi CSTT			
14	CSTT1094	Nguyễn Thị Thuý Ngân		11-09-2001	CVHD và thực thi CSTT			
15	CSTT1095	Lê Minh Ngọc		26-10-2000	CVHD và thực thi CSTT	Bằng ĐH do CSDT nước ngoài cấp		
16	CSTT1096	Nguyễn Thị Bích Ngọc		02-08-1998	CVHD và thực thi CSTT			
17	CSTT1097	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc		10-12-1998	CVHD và thực thi CSTT			



Handwritten signature

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
18	CSTT1098	Trần Nguyễn Hồng Ngọc		16-08-1999	CVHD và thực thi CSTT			
19	CSTT1099	Nguyễn Phạm Tây Nguyên	26-12-1997		CVHD và thực thi CSTT	Học Ths nước ngoài		
20	CSTT1100	Đỗ Thị Hồng Nhật		20-06-1997	CVHD và thực thi CSTT			
21	CSTT1101	Lê Thị Hồng Nhung		19-12-2000	CVHD và thực thi CSTT			
22	CSTT1102	Nguyễn Hồng Nhung		02-08-2001	CVHD và thực thi CSTT			
23	CSTT1103	Phạm Trang Nhung		02-04-2001	CVHD và thực thi CSTT			
24	CSTT1104	Bùi Thị Bích Phương		04-02-1993	CVHD và thực thi CSTT			
25	CSTT1105	Nguyễn Hà Phương		12-03-2001	CVHD và thực thi CSTT	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
26	CSTT1106	Trần Minh Phương		24-07-2001	CVHD và thực thi CSTT			
27	CSTT1107	Trần Hoàng Quân	19-11-1999		CVHD và thực thi CSTT			
28	CSTT1108	Lê Thị Quý		27-09-1995	CVHD và thực thi CSTT			
29	CSTT1109	Bùi Thị Hương Quỳnh		04-05-1996	CVHD và thực thi CSTT			
30	CSTT1110	Lê Thuý Quỳnh		26-07-2000	CVHD và thực thi CSTT			
31	CSTT1111	Nguyễn Thị Như Quỳnh		29-11-2001	CVHD và thực thi CSTT			
32	CSTT1112	Lê Minh Tâm	28-10-2001		CVHD và thực thi CSTT			
33	CSTT1113	Nguyễn Thị Thu Thanh		14-09-1997	CVHD và thực thi CSTT			
34	CSTT1114	Nguyễn Phương Thảo		01-09-2001	CVHD và thực thi CSTT			
35	CSTT1115	Phan Phương Thảo		26-01-2001	CVHD và thực thi CSTT			
36	CSTT1116	Khuất Minh Thu		29-08-1998	CVHD và thực thi CSTT	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
37	CSTT1117	Đặng Anh Thư		07-02-1998	CVHD và thực thi CSTT			
38	CSTT1118	Lê Hồng Thủy		11-01-2001	CVHD và thực thi CSTT			
39	CSTT1119	Đặng Thị Thu Thủy		20-07-2000	CVHD và thực thi CSTT			
40	CSTT1120	Vũ Thị Thanh Thủy		29-12-1997	CVHD và thực thi CSTT			

